

Số: 08 /2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội;

Căn cứ Quyết định số 71/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nội vụ sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3260/TTr-SNV ngày 22 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn phường, xã thuộc thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 7229/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thực hiện thẩm quyền cho phép hội hoạt động trong phạm vi thành phố, quận, huyện tổ chức đại hội và các quy định trước đây trái với quy định này.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã; các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Sở Tư pháp;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Đài PTTH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thọ

QUY ĐỊNH

Về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: Cho phép thành lập hội; phê duyệt điều lệ hội; cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội; quản lý hoạt động của các hội; trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, trách nhiệm của UBND quận, huyện, UBND phường, xã và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Quy định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng; UBND quận, huyện, UBND phường, xã và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập theo quy định của pháp luật gồm: Hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng; hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện và hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã thuộc thành phố Đà Nẵng;

c) Văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Quy định này không áp dụng với các tổ chức:

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng, Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Đà Nẵng, Hội Nông dân thành phố Đà Nẵng, Hội Cựu chiến binh thành phố Đà Nẵng, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng;

b) Các tổ chức giáo hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

c) Hội cựu sinh viên, cựu học viên các trường học; hội đồng hương; hội tộc họ, dòng họ; ban liên lạc hưu trí và các hình thức tổ chức khác hoạt động theo Sắc lệnh số 101/SL/L003 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch nước ban hành

Luật quy định quyền tự do hội họp và Nghị định số 257-TTg ngày 14 tháng 6 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định thi hành Sắc lệnh số 101/SL/L003.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định những nội dung khác mà Quy định này không quy định, thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội; tên, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội

Quy định về hội; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hội; tên, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội được thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. UBND thành phố Đà Nẵng thống nhất quản lý nhà nước đối với các hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, bảo đảm điều kiện để các tổ chức hội thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có hiệu quả và góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng; chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 4 Quy định này và Điều 38 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quản lý nhà nước đối với hội theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Điều 5 Quy định này.

3. Sở Nội vụ tham mưu, giúp UBND thành phố Đà Nẵng làm đầu mối quản lý nhà nước về tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tham mưu, giúp UBND thành phố Đà Nẵng quản lý hoạt động của hội theo ngành, lĩnh vực quản lý.

5. UBND quận, huyện quản lý nhà nước về hội có phạm vi hoạt động tại địa phương mình theo phân cấp quản lý.

6. Phòng Nội vụ tham mưu, giúp UBND quận, huyện làm đầu mối quản lý nhà nước về tổ chức hội trên địa bàn quận, huyện, phường, xã.

7. UBND phường, xã quản lý các hoạt động đối với hội có phạm vi hoạt động tại địa phương mình theo phân cấp quản lý.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng; UBND quận, huyện; UBND phường, xã và các hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thi hành các quy định của pháp luật về hội.

3. Cho phép thành lập hội; phê duyệt điều lệ hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội; quản lý hoạt động của các hội; hỗ trợ đối với các hội và xem xét, cho phép hội nhận viện trợ theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý hội.

5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hội.

6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội; kiểm tra việc thực hiện điều lệ của các hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hội.

8. Tổng hợp báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Chương II

THẨM QUYỀN CHO PHÉP THÀNH LẬP HỘI; PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ HỘI; CHO PHÉP TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA HỘI; CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ HỘI; QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI

Điều 5. Thẩm quyền cho phép thành lập hội; phê duyệt điều lệ hội; cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội

1. Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quyết định cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng, hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng; cho phép hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh đặt văn phòng đại diện hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã; cho phép tổ chức đại hội (đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ tham mưu, giúp Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quản lý nhà nước về các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều này; cho phép tổ chức đại hội (đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng và hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện.

4. Phòng Nội vụ tham mưu, giúp Chủ tịch UBND quận, huyện quản lý nhà nước về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều này.

5. Trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị của cá nhân, tổ chức trong việc cho phép thành lập hội; phê duyệt điều lệ hội; cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội:

Căn cứ hồ sơ có đầy đủ tài liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân đề nghị giải quyết, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 3, 4 Điều này có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, nếu xét thấy hồ sơ của tổ chức, cá nhân không bảo đảm tính pháp lý thì cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan chức năng có liên quan. Trong trường hợp không giải quyết hồ sơ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân được biết; đồng thời gửi văn bản trả lời đến các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2 Điều này để báo cáo.

Điều 6. Quản lý hoạt động của các hội

1. Các tổ chức quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 Quy định này là các tổ chức có tư cách pháp nhân, hoạt động theo điều lệ, nghị quyết của hội và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Các hội được phân định trên cơ sở phạm vi hoạt động theo vùng lãnh thổ đơn vị hành chính; không phân biệt hội cấp trên và hội cấp dưới; không nhất thiết tổ chức hội thành hệ thống từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã.

3. Quan hệ giữa các hội trong quá trình hoạt động:

a) Hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện không phụ thuộc hay chịu sự chỉ đạo của hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng; hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã không phụ thuộc, chịu sự chỉ đạo của hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện (về cơ cấu tổ chức của hội; quản lý, điều hành hội và thực hiện nhiệm vụ của hội);

b) Trường hợp hội tự nguyện tham gia và được kết nạp làm thành viên tập thể của một tổ chức hội khác có phạm vi hoạt động rộng hơn (sau đây viết tắt là hội thành viên) thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

4. Hội được thành lập pháp nhân trực thuộc hội theo quy định của pháp luật; được thành lập liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội (sau đây viết tắt là tổ chức cơ sở thuộc hội) theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt:

a) Việc thành lập pháp nhân và tổ chức cơ sở thuộc hội được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2013/TT-BNV). Tổ chức cơ sở thuộc hội không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng;

b) Hội thành lập pháp nhân thuộc hội không đúng quy định của pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Quy định này có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan Công an thu hồi con dấu.

5. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại và xử lý kỷ luật trong nội bộ hội được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2013/TT-BNV. Việc đặt văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở và thay đổi lãnh đạo chủ chốt của hội được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 03/2013/TT-BNV.

6. Các mẫu văn bản áp dụng cho các hội, công dân, tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về hội được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 03/2013/TT-BNV.

7. Trường hợp hội không tuân thủ các quy định của pháp luật về hội, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của hội, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền quản lý về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động chịu trách nhiệm báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (thông qua Sở Nội vụ); các phòng chuyên môn thuộc UBND quận, huyện có trách nhiệm báo cáo UBND quận, huyện, Chủ tịch UBND quận, huyện (thông qua Phòng Nội vụ) xem xét, quyết định biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 7. Quản lý hoạt động của hội thành viên

1. Điều kiện, thủ tục kết nạp, thủ tục ra khỏi hội, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ, mối quan hệ của hội là thành viên tập thể của một tổ chức hội khác có phạm vi hoạt động rộng hơn do tổ chức hội có phạm vi hoạt động rộng hơn quyết định theo điều lệ và quy định của hội phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hội có hội thành viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, theo dõi, kiểm tra về hoạt động của hội thành viên theo điều lệ của tổ chức hội; hội thành viên chịu sự hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ, theo dõi, kiểm tra về hoạt động theo điều lệ của tổ chức hội mà mình tham gia làm thành viên.

3. Tổ chức hội có hội thành viên chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Quy định này trong việc quản lý hoạt động của hội thành viên và định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động các hội thành viên theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

4. Hội thành viên chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nhiệm vụ và hoạt động của tổ chức hội mà hội thành viên tham gia. Hội thành viên không phụ thuộc hay chịu sự chỉ đạo về tổ chức và nhân sự của tổ chức hội mà hội thành viên tham gia. Hội thành viên không thuộc cơ cấu tổ chức theo điều lệ của tổ chức hội mà hội thành viên tham gia; được ra khỏi tổ chức hội tham gia làm thành viên khi xét thấy không thể tiếp tục là hội thành viên.

5. Trường hợp điều lệ của tổ chức hội có hội thành viên quy định các nội dung về quan hệ giữa tổ chức hội với hội thành viên thì hội thành viên chịu sự chỉ đạo của tổ chức hội có hội thành viên về hoạt động, không chịu sự chỉ đạo về tổ

chức và nhân sự. Các tổ chức lãnh đạo, kiểm tra của hội thành viên do đại hội của hội thành viên bầu ra theo quy định của pháp luật về hội thì đã đủ điều kiện để hoạt động.

Điều 8. Điều kiện, thủ tục thành lập hội

1. Điều kiện thành lập hội được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thủ tục thành lập hội:

a) Việc thành lập ban vận động thành lập hội thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 33/2012/NĐ-CP); Điều 1 Thông tư số 03/2013/TT-BNV;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động, UBND quận, huyện được quy định tại Khoản 5, Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có trách nhiệm công nhận ban vận động thành lập hội theo quy định của pháp luật;

c) Hồ sơ xin phép thành lập hội thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng về thủ tục thành lập hội. Nội dung chính của dự thảo điều lệ hội thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội phải bảo đảm như sau: Nếu thuê, mượn nhà, đất thuộc sở hữu tư nhân thì phải có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền về giao dịch thuê, mượn; nếu thuê, mượn nhà thuộc sở hữu nhà nước thì phải có ý kiến đồng ý của cơ quan sử dụng và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước đối với nhà, đất được thuê, mượn;

d) Việc giải quyết hồ sơ xin phép thành lập hội thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng về thủ tục thành lập hội.

Điều 9. Tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội; xử lý vi phạm thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ theo quy định tại điều lệ hội

1. Việc tổ chức đại hội thành lập hội được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Trường hợp chưa đủ điều kiện tổ chức đại hội thành lập hội hoặc quá thời gian tiến hành đại hội thành lập hội theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ban vận động thành lập hội có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Đối với nhân sự đứng đầu hội là đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, ban vận động thành lập hội có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý.

2. Việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội; xử lý vi phạm thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ theo quy định tại điều lệ hội được thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 03/2013/TT-BNV. Việc cho phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 5 Quy định này. Hội có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn quản lý về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động trước khi báo cáo đề nghị cho phép tổ chức đại hội. Trước ba mươi ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức đại hội, hội có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo đề nghị cho phép tổ chức đại hội (đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Điều 5 Quy định này có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội. Đối với nhân sự đứng đầu hội là đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, hội có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quản lý đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp quản lý.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ báo cáo đề nghị cho phép tổ chức đại hội (đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) của hội được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 Thông tư số 03/2013/TT-BNV và Bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng về thủ tục cho phép tổ chức đại hội của hội.

Điều 10. Phê duyệt điều lệ hội

Điều lệ hội do đại hội của hội thông qua và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Quy định này phê duyệt. Nội dung điều lệ hội được thực hiện theo quy định tại Mẫu 9, Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV và phải bảo đảm những nội dung chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Việc phê duyệt điều lệ hội và hiệu lực của điều lệ hội được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng về thủ tục phê duyệt điều lệ hội.

Điều 11. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội được thực hiện theo các quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này; Chương V Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Điều 10 Thông tư số 03/2013/TT-BNV và Khoản 4, Điều 1 Nghị định số 33/2012/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính của UBND thành phố Đà Nẵng về việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể hội.

Chương III LẬP VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU CỦA HỘI; CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 12. Lập và lưu trữ hồ sơ, tài liệu của hội

1. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội danh sách hội viên, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; hồ sơ hội thành viên, chi hội và các tổ chức cơ sở thuộc hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội; hồ sơ công việc và các tài liệu liên quan đến quá trình thành

lập, tổ chức và hoạt động của hội; sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo; ban kiểm tra hội.

2. Việc quản lý hồ sơ, tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Thời hạn lưu trữ và hủy hồ sơ, tài liệu đã hết thời hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 11), hội có trách nhiệm gửi báo cáo về các cơ quan quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 Quy định này và cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền quản lý về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động. Báo cáo hoạt động của hội được thực hiện theo Mẫu 16, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV.

2. Hội báo cáo kết quả đại hội (đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 03/2013/TT-BNV.

3. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 11), các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận, huyện báo cáo công tác quản lý hội theo Mẫu 11, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV và gửi Sở Nội vụ tổng hợp để báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng, Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12.

4. Các tổ chức hội; các cơ quan nhà nước được quy định tại Điều 3 Quy định này và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm báo cáo đột xuất về tổ chức và hoạt động của hội theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Khi thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội và thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương, lãnh đạo hội phải thông báo bằng văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 Quy định này, đồng thời gửi các cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực hội hoạt động.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG; UBND QUẬN, HUYỆN, UBND PHƯỜNG, XÃ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC QUẢN LÝ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp UBND thành phố Đà Nẵng quản lý nhà nước về hội trên phạm vi thành phố Đà Nẵng; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận, huyện thực hiện quản lý nhà nước về hội trên phạm vi thành phố Đà Nẵng.

2. Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể và phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng, hội có phạm vi hoạt

động trong quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật, trình Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định.

3. Có ý kiến bằng văn bản về việc cho phép hoặc không cho phép tổ chức đại hội (đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường) đối với hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng, hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan trình UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định việc hỗ trợ và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với tổ chức hội theo quy định của pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận, huyện rà soát tổ chức, hoạt động của hội, thống nhất tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định:

a) Phân công cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.

b) Đối với các hội có đối tượng hội viên gần giống nhau hoặc mục đích hoạt động của các hội đều hướng đến cùng một đối tượng, nghiên cứu tình hình thực tế để xem xét, đề xuất kiện toàn lại mô hình tổ chức hội phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ quản lý hội đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận, huyện.

7. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách về tài chính theo quy định đối với các hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng.

8. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp trong việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương, quy định của UBND thành phố Đà Nẵng về hội; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng để thanh tra, kiểm tra việc thực hiện điều lệ và chấp hành pháp luật; công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết theo thẩm quyền những vấn đề về tổ chức và hoạt động đối với hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

9. Tổng hợp số liệu về tổ chức, hoạt động của hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội.

10. Định kỳ hàng năm (chậm nhất trước ngày 15 tháng 12) báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng và Bộ Nội vụ về công tác tổ chức, hoạt động, quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu, giúp UBND thành phố Đà Nẵng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao, nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư

số 01/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao; việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; quản lý việc tiếp nhận, sử dụng các nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài cho hội.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện việc bố trí vốn đối ứng từ nguồn chi thường xuyên cho các chương trình, dự án của các hội được tiếp nhận viện trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật và quy định của UBND thành phố Đà Nẵng.

3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực tài sản, tài chính của hội, việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng theo quy định.

4. Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và dự toán của đơn vị đề nghị, Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng.

5. Hướng dẫn, phổ biến pháp luật về lĩnh vực tài chính; thông tin về các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài chính đối với các tổ chức hội.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, UBND quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan đề tham mưu trình UBND thành phố Đà Nẵng xem xét, cho phép các hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tiếp nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất UBND thành phố Đà Nẵng thực hiện việc bố trí vốn đối ứng từ nguồn chi đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án của các hội được tiếp nhận viện trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật và quy định của UBND thành phố Đà Nẵng.

3. Chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tổ chức việc thanh tra, kiểm tra hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ nước ngoài đối với các tổ chức hội.

4. Hướng dẫn, phổ biến pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; thông tin về các hoạt động dịch vụ thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư tại địa phương theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các tổ chức hội.

Điều 17. Trách nhiệm của Công an thành phố Đà Nẵng

1. Thực hiện công tác quản lý về an ninh trật tự, phòng, chống vi phạm pháp luật đối với hoạt động của hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Thực hiện giải quyết thủ tục đăng ký cấp mới, cấp đổi, cấp lại con dấu đối với các hội và pháp nhân trực thuộc hội theo quy định của pháp luật; rà soát, sửa đổi con dấu của các hội, pháp nhân trực thuộc hội khác không đúng tên theo quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; thu hồi con dấu các hội, pháp nhân trực thuộc hội thành lập không đúng quy định của pháp luật, hoặc các hội đã có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện điều lệ của hội và chấp hành quy định của pháp luật; đề xuất việc xử lý vi phạm pháp luật của các hội có liên quan đến phạm vi quản lý của Công an thành phố Đà Nẵng.

4. Hướng dẫn, thông tin, phổ biến pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách thuộc phạm vi quản lý của Công an thành phố đối với các tổ chức hội.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng

1. Thực hiện quản lý nhà nước đối với hội; phân công lãnh đạo phụ trách, công chức tham mưu, giúp việc quản lý nhà nước về hội; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm pháp luật đối với hội hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động có trách nhiệm xét công nhận hoặc không công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng; trường hợp cần thiết, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan trước khi xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.

3. Có ý kiến bằng văn bản về việc cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ, tổ chức đại hội, những vấn đề có liên quan đến hoạt động của hội trên địa bàn thành phố thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng theo đề nghị hoặc xét thấy cần thiết.

4. Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tham gia thực hiện một số nhiệm vụ do Nhà nước giao thuộc ngành, lĩnh vực quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của hội; cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phương hướng, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hội tham gia phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.

5. Thẩm định nội dung các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các hội theo ngành, lĩnh vực quản lý; tham mưu UBND thành phố

Đà Nẵng quyết định giao cho hội hoạt động trong phạm vi thành phố Đà Nẵng thực hiện những nhiệm vụ phù hợp với khả năng thực hiện của hội.

6. Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước, thành phố Đà Nẵng trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của ngành.

7. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội trong việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội; việc sử dụng và quản lý tài chính, tài sản; đánh giá hoạt động của hội; đề nghị thi đua, khen thưởng; trả lời các đề nghị, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm pháp luật đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

8. Tổng hợp số liệu về hội theo thẩm quyền quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định.

9. Báo cáo tình hình hội hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý và gửi về UBND thành phố Đà Nẵng (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định tại Điều 13 Quy định này (trước ngày 15 tháng 11 hàng năm).

Điều 19. Trách nhiệm của UBND quận, huyện

1. Quản lý nhà nước đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn quận, huyện, phường, xã theo phân cấp quản lý; tuyên truyền phổ biến pháp luật về hội; thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của hội; đề nghị xét thi đua, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hội trên địa bàn quận, huyện, phường, xã.

2. Xét công nhận hoặc không công nhận ban vận động thành lập hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, phường, xã dự kiến thành lập. Trường hợp hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, phường, xã dự kiến thành lập mà trong phạm vi thành phố Đà Nẵng hoặc trong quận, huyện khác chưa được thành lập, UBND quận, huyện lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động trước khi xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.

3. Quyết định giao cho hội thực hiện những nhiệm vụ phù hợp với khả năng của hội và hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng cho phép hội có phạm vi hoạt động trong quận, huyện, phường, xã được nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp thông tin về quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật và tạo điều kiện thuận lợi để các hội tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh góp phần giữ vững an ninh, chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận, huyện.

6. Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước, thành phố Đà Nẵng trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của địa phương.

7. Giải quyết, trả lời các đề xuất, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đối với hội hoạt động trên địa bàn quận, huyện theo thẩm quyền.

8. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương, của UBND thành phố, việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội; xử lý vi phạm pháp luật về hội, việc sử dụng và quản lý tài chính, tài sản; công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết theo thẩm quyền những vấn đề về hoạt động của hội trên địa bàn quận, huyện.

9. Tổng hợp số liệu về hội theo thẩm quyền quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn quận, huyện.

10. Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định việc cho phép thành lập, phê duyệt điều lệ, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã; đồng thời gửi văn bản báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, quản lý hội.

11. Định kỳ hàng năm (chậm nhất trước ngày 15 tháng 11), báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng (thông qua Sở Nội vụ) về tình hình hoạt động và quản lý các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn (trong quận, huyện, phường, xã).

Điều 20. Trách nhiệm của UBND phường, xã

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hội trên địa bàn phường, xã theo quy định của pháp luật; phân công lãnh đạo và công chức tham mưu, theo dõi hoạt động của các hội.

2. Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội trên địa bàn phường, xã; đề nghị xét thi đua, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật đối với hội hoạt động trên địa bàn phường, xã.

3. Có ý kiến bằng văn bản với UBND quận, huyện về việc cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt Điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã.

4. Cung cấp thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật của Nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các hội trên địa bàn phường, xã tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

5. Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước và thành phố Đà Nẵng trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của địa phương.

6. Giải quyết, trả lời các đề xuất, kiến nghị của hội có phạm vi hoạt động trong phường, xã theo quy định của pháp luật và theo thẩm quyền quản lý.

7. Tổng hợp số liệu về hội theo thẩm quyền quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý hội trên địa bàn phường, xã.

8. Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các hội hoạt động trên địa bàn phường, xã về UBND quận, huyện (thông qua Phòng Nội vụ trước ngày 05 tháng 11 hàng năm).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã thuộc thành phố Đà Nẵng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và các hội chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc các ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về UBND thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thơ